

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN BÌNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 566/2024/DS-ST  
Ngày: 08/8/2024  
V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản

**NHÂN DANH**

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Phước Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Ngọc

Ông Nguyễn Tấn Nghiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đài Trang- Thư ký Tòa án nhân dân  
quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí  
Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Mỹ- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành  
phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2024/TLST-DS  
ngày 13 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định  
đưa vụ án ra xét xử số 425/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2024 và Quyết  
định hoãn phiên tòa số 276/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2024 giữa các  
đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S, địa chỉ: Lầu H, 2 N, Phường V, Quận  
C, Tp ..

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty TNHH Một thành  
viên Q và khai thác tài sản Ngân hàng S; địa chỉ: Số B N, Phường V, Quận C, Tp  
. (Văn bản ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022)

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Nhật Kinh K; địa chỉ: Số B N, Phường  
V, Quận C, Tp . (Văn bản ủy quyền ngày 02/5/2024)

2. Bị đơn: Ông **Đàm Chí M**, sinh năm 1982; địa chỉ: **C Lô B, Phường A, quận T, Tp ..**

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** và lời khai của người đại theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 27/11/2019, ông **M** đã ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng với **Ngân hàng TMCP S** (Gọi tắt là Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông **M**, Ngân hàng đã đồng ý cấp cho ông **M** thẻ tín dụng số 472075-8632 với hạn mức 35.000.000đ.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông **M** đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 189.316.604đ, đã thanh toán 164.151.544đ. Sau thời gian sử dụng ông **M** không có thiện chí trả nợ, vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 23/5/2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông **M** và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 31/7/2023, ông **M** còn nợ: 81.579.766đ, gồm: nợ gốc: 39.990.166đ, lãi quá hạn: 41.589.600đ.

Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu, không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới, Ngân hàng vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ của thẻ tín dụng nêu trên; thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật; ngoài ra, bị đơn còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh kể từ 01/8/2023 theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi trả xong số nợ trên.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa, nguyên đơn do người đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt trình bày:* Vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ, tính đến ngày 08/8/2024 bị đơn ông **M** còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 39.990.166đ (*Ba mươi chín triệu chín trăm chín mươi ngàn một trăm sáu mươi sáu đồng*); nợ lãi: 61.032.738đ (*Sáu mươi một triệu không trăm ba mươi hai ngàn bảy trăm ba mươi tám đồng*); tổng cộng: 101.022.904đ (*Một trăm lẻ một triệu không trăm hai mươi hai ngàn chín trăm lẻ bốn đồng*), thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, bị đơn còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh kể từ 09/8/2024 theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi trả xong nợ gốc.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng, trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, đương sự đều đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố

tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử, Tòa án đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn có nơi cư trú tại **quận T** nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về nơi cư trú của đương sự: Xét Đơn khởi kiện, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 27/11/2019, nguyên đơn đã cung cấp địa chỉ thường trú của bị đơn tại **C Lô B Chung cư B, Phường A, quận T, Tp ..**

Tại kết quả xác minh của **Công an P, quận T** đã cung cấp thông tin: “*Đương sự **Đàm Chí M**, SN 1982; hiện không có cư trú tại **C Lô B, Chung cư B, Phường A, quận T**, đã đi khỏi địa phương, không rõ đi đâu*”.

Tại kết quả xác minh của **Công an P1, Quận A** đã cung cấp thông tin: “*Tại địa chỉ 219 **Lô N Chung cư N, Phường G, Quận A** không có tên **Đàm Chí M** đăng ký thường trú hay tạm trú. **Lô chung cư** đã di dời giải tỏa từ năm 2010.*”

Khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*3. Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới.*”

Ông **M** là bên có nghĩa vụ trả tiền vay, đã thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho bên cho vay được xem là trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án nhân dân tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng tại địa chỉ bên có nghĩa vụ ghi trong hợp đồng là phù hợp với quy định tại các điều 177 và 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng và không có người đại diện tham gia phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của đương sự đã được xem xét tại phiên tòa đã đủ cơ sở xác định:

Ngày 27/11/2019, Ngân hàng TMCP S và ông Đàm Chí M đã ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và phụ lục kèm theo, loại thẻ Visa Gold, thẻ tín dụng số 472075-8632 với hạn mức 35.000.000đ, mục đích tiêu dùng cá nhân. Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng có hình thức và nội dung phù hợp với các điều 401, 402, 405 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực đối với các bên tham gia hợp đồng.

Tại bản tóm tắt sao kê do Ngân hàng cung cấp thể hiện: Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông M đã thực hiện nhiều giao dịch với số tiền 189.316.604đ, thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 164.151.544đ, ngày cuối cùng thanh toán là ngày 22/02/2021 với số tiền 1.050.000đ.

[2.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu trả nợ gốc và lãi:

Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 27/11/2019 và tóm tắt sao kê do Ngân hàng cung cấp đã đủ cơ sở xác định ông M đã sử dụng thẻ tín dụng thực hiện giao dịch và vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và yêu cầu bị đơn thanh toán tiền còn nợ và tiền lãi phát sinh là phù hợp với thỏa thuận đã quy định tại Điều 2, Điều 20, Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng kèm theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 26/12/2019 và Quyết định số 02399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 về ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ S1 phát hành tại Việt Nam.

Căn cứ khoản 1, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng định: “*Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng*”.

Căn cứ khoản 2, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng qui định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi. Cụ thể: Nợ gốc: 39.990.166đ (Ba mươi chín triệu chín trăm chín mươi ngàn một trăm sáu mươi sáu đồng); nợ lãi: 61.032.738đ (Sáu mươi một triệu không trăm ba mươi hai ngàn bảy trăm ba mươi tám đồng); tổng cộng: 101.022.904đ (Một trăm lẻ một triệu không trăm hai mươi hai ngàn chín trăm lẻ bốn đồng).

Xét việc bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đã gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên cần buộc bị đơn thanh toán toàn bộ số nợ trên ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, bị đơn còn phải chịu

thêm tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả xong dứt nợ theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông M vắng mặt không lý do chính đáng, cũng không đưa ra phản hồi hay chứng cứ nào để chứng minh cho quan điểm của mình. Vì vậy, ông M phải chịu hậu quả pháp lý đối với sự vắng mặt của mình.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do có nghĩa vụ thanh toán nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 280; 463; 466 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

2. Buộc ông Đàm Chí M phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ bao gồm: Nợ gốc: 39.990.166đ (*Ba mươi chín triệu chín trăm chín mươi ngàn một trăm sáu mươi sáu đồng*); nợ lãi: 61.032.738đ (*Sáu mươi một triệu không trăm ba mươi hai ngàn bảy trăm ba mươi tám đồng*); tổng cộng: 101.022.904đ (*Một trăm lẻ một triệu không trăm hai mươi hai ngàn chín trăm lẻ bốn đồng*).

3. Thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đàm Chí M phải chịu 5.051.145đ (*Năm triệu không trăm năm mươi một ngàn một trăm bốn mươi lăm đồng*).

6. H lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 2.039.494đ (Hai triệu không trăm ba mươi chín ngàn bốn trăm chín mươi bốn đồng) theo Biên lai thu số 0001315 ngày 28/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án.

9. Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND QTB;
- Chi cục THADS QTB;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

**Võ Phước Lý**